

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ
2. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 355/2024/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị [Trần Thị Trúc Tâm A](#), sinh năm 1980;

Địa chỉ: [5 L, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An](#).

- *Bị đơn:* Anh [Phạm Văn S](#), sinh năm: 1978;

Địa chỉ: [Áp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An](#).

(Chị [A](#) có mặt, anh [S](#) vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị [Trần Thị Trúc Tâm A](#) trình bày: Chị và anh [S](#) cưới nhau vào năm 2016, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2016 tại [Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An](#). Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian, đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cách ứng xử, sinh hoạt, công việc và mọi thứ không phù hợp nhau nên thường xuyên cãi vã nhau, anh [S](#) thường nhậu say đập phá đồ đạc trong nhà. Lúc đó, chị [A](#) thấy con chung còn nhỏ nên chị vẫn cố gắng chịu đựng nhưng anh [S](#) không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày lớn không còn khả năng hàn gắn. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ tháng 01/2024 âm lịch cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không

có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Trần Khánh M, sinh ngày 9/5/2017 và Phạm Trần Khánh A1, sinh ngày 25/9/2019 hiện đang sống với mẹ. Sau ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/5/2024, bị đơn anh Phạm Văn S trình bày: Về thời gian cưới, đăng ký kết hôn anh S thống nhất như chị A trình bày. Về nguyên nhân mâu vợ chồng theo anh S thì giữa anh và chị Tâm A không có mâu thuẫn gì lớn, anh S thừa nhận có nhậu nhưng chỉ thỉnh thoảng mới nhậu, về nhà có phá đồ đạc nhưng đó là chỉ lúc say sưa. Anh vẫn đi làm, cùng vợ lo kinh tế gia đình và nuôi dạy con. Việc chị A dọn ra ở riêng anh không biết lý do vì sao, chỉ thấy khoảng hơn 01 tháng nay chị A thay đổi thái độ với anh. Nay chị A khởi kiện ly hôn anh không đồng ý, anh muốn có thêm thời gian để tìm hiểu lý do vì sao vợ muốn ly hôn với anh rồi anh mới quyết định có ly hôn hay không.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Trần Khánh M, sinh ngày 9/5/2017 và Phạm Trần Khánh A1, sinh ngày 25/9/2019 hiện đang sống với mẹ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị A được tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: không có.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Trúc Tâm A và anh Phạm Văn S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã L, huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/8/2016 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Anh Phạm Văn S là bị đơn, hiện nay đang cư trú tại ấp D, xã L, huyện C nên khi chị A có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị A và anh S cưới nhau vào năm 2016, sau một thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị A và anh S thừa nhận do thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau dẫn đến hay cãi vã, tình nghĩa vợ chồng ngày một phai nhạt. Dù đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng nhưng cả chị A và anh S đều không tìm được biện pháp để khắc phục dẫn đến sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Chị A kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh S. Anh S không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra

được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã mời anh [S](#) đến tham gia phiên tòa nhưng anh [S](#) không đến cho thấy anh [S](#) không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị [A](#). Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa chị [A](#) và anh [S](#) đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị [Trần Thị Trúc Tâm A](#) được ly hôn với anh [Phạm Văn S](#).

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giữa chị [A](#) và anh [S](#) có 02 người con chung tên [Phạm Trần Khánh M](#), sinh ngày 9/5/2017 và [Phạm Trần Khánh A1](#), sinh ngày 25/9/2019 hiện đang sống với chị [A](#). Xét thấy hiện tại cả 02 người con đang sống với chị [A](#) đã ổn định, cháu [M](#) có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ, chị [A](#) yêu cầu tiếp tục được nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [A](#) về việc yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung. Anh [S](#) được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, chị [A](#) không yêu cầu anh [S](#) cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị [A](#) trình bày không có nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị [Trần Thị Trúc Tâm A](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị [Trần Thị Trúc Tâm A](#) đối với anh [Phạm Văn S](#).

Về hôn nhân: Chị [Trần Thị Trúc Tâm A](#) được ly hôn với anh [Phạm Văn S](#).

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung [Phạm Trần Khánh M](#), sinh ngày 9/5/2017 và [Phạm Trần Khánh A1](#), sinh ngày 25/9/2019 cho

chị [Trần Thị Trúc Tâm A](#) được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh [Phạm Văn S](#) không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Chị [Trần Thị Trúc Tâm A](#) phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 00002617 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị [A](#) đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang